SAO Y; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP Hà Nội
Giờ ký: 06/10/2026 15:41:04

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 04/2026/VBHN-NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Quy định nội dung, mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách xã hội và một số đối tượng đặc thù của thành phố Hà Nội[1]

Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định nội dung, mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách xã hội của thành phố Hà Nội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định nội dung, mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách xã hội của thành phố Hà Nội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 25

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018

---

[1] Tên Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 159/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Xét Tờ trình số 247/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách xã hội của thành phố Hà Nội (Thực hiện điểm a, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 27 Luật Thủ đô); Báo cáo thẩm tra số 61/BC-VHXH ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 262/BC-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách xã hội của thành phố Hà Nội (thực hiện điểm a, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 27 Luật Thủ đô)[2].

---

[2] Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13, Luật Bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 159/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Căn cứ Thông tư số 11/2025/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;

Theo đề nghị của UBND Thành phố tại Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2026 về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định nội dung, mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách xã hội của thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 60/BC-BVHXH ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số 191/BC-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một

Điều 1. [3]Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định nội dung, mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách xã hội và một số đối tượng đặc thù của thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng hưởng chính sách là người đang thường trú tại thành phố Hà Nội, có nhu cầu được hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế gồm:

1. Người thuộc hộ gia đình nghèo, hộ gia đình cận nghèo, hộ gia đình thoát nghèo, hộ gia đình thoát cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo, chuẩn cận nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội *(tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 05/9/2021 của UBND Thành phố về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025 - Được điều chỉnh tương ứng khi có quy định mới của Thành phố).*

2.[4]Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc và chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

3. Người khuyết tật nhẹ chưa có thẻ bảo hiểm y tế *(không bao gồm trẻ em khuyết tật nhẹ dưới 16 tuổi).*

4. Người dân tộc thiểu số không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc và chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

5. [5]Học sinh, sinh viên thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn của Thành phố, chưa được cấp thẻ bảo hiểm y tế đang tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn thành phố Hà Nội *(kể cả công lập và ngoài công lập).*

6. Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn của Thành phố.

7. Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 159/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ và không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc *(Trừ trường hợp người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đóng theo phương thức quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 159/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ).*

(Được điều chỉnh tương ứng khi có quy định mới của Trung ương).

---

số điều của Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định nội dung, mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách xã hội của thành phố Hà Nội.

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[5]Khoản này được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

8.[6] Nhân viên chăn nuôi thú y không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc và chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

9. [6]Nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản.

10. [6]Cộng tác viên dân số.

11. [6]Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật.

12. [6]Người được tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú theo quy định của Luật Di sản văn hóa không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc và chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

13. [6]Nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.

14. [6]Nạn nhân bom mìn vật nổ sau chiến tranh theo quy định tại khoản 8 Điều 3 của Nghị định số 18/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về quản lý và thực hiện hoạt động khắc phục hậu quả bom mìn vật nổ sau chiến tranh.

15. [6]Người thuộc hội viên hội cựu chiến binh, cựu quân nhân, cựu thanh niên xung phong hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương tham gia Câu lạc bộ Cựu quân nhân, cựu công an nhân dân, cựu thanh niên xung phong.

16. [6]Người dân xã Minh Châu không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc và chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

17. [6]Người sinh sống và làm việc, người được nuôi dưỡng, chăm sóc trong các tổ chức, cơ sở từ thiện, tôn giáo.

18. [6]Người được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội công nhận danh hiệu Nghệ nhân Hà Nội không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc và chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

Điều 3. Nội dung, mức hỗ trợ

1. Nội dung, mức hỗ trợ về bảo hiểm xã hội tự nguyện

Ngoài mức hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện được quy định tại Nghị định số 159/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ, người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện được hỗ trợ thêm tiền đóng theo tỷ lệ phần trăm (%) trên mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn theo quy định tại khoản 2 Điều 31 và khoản 1 Điều 36 của Luật Bảo hiểm xã hội, cụ thể:

a) Hỗ trợ thêm 50% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với người tham gia thuộc hộ nghèo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Hỗ trợ thêm 60% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với người thuộc hộ cận nghèo.

---

[6]Các Khoản 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

c) [7]Hỗ trợ thêm 30% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với người dân tộc thiểu số quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 159/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; Hỗ trợ thêm 20% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Nghị định số 159/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

d) [8]Hỗ trợ thêm 30% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với người thuộc hội viên hội cựu chiến binh, cựu quân nhân, cựu thanh niên xung phong hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương tham gia Câu lạc bộ Cựu quân nhân, cựu công an nhân dân, cựu thanh niên xung phong.

2. Nội dung, mức hỗ trợ về bảo hiểm y tế

a) Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo, thành viên hộ gia đình cận nghèo được công nhận thoát cận nghèo. Thời gian hỗ trợ 36 tháng kể từ tháng được công nhận thoát cận nghèo.

b) [9]Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người cao tuổi từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc và chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

c) Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người khuyết tật nhẹ chưa có thẻ bảo hiểm y tế *(không bao gồm trẻ em khuyết tật nhẹ dưới 16 tuổi)*.

d) Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người dân tộc thiểu số không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc và chưa có thẻ bảo hiểm y tế. Hỗ trợ thêm 30% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ.

đ) [10]Hỗ trợ thêm 50% mức đóng bảo hiểm y tế đối với học sinh, sinh viên thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn của Thành phố, chưa được cấp thẻ bảo hiểm y tế đang tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn thành phố Hà Nội *(kể cả công lập và ngoài công lập)*.

---

[7] Điểm này được sửa đổi bởi Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[8] Điểm này được bổ sung bởi Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[9] Điểm này được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[10] Điểm này được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

e) [11]Hỗ trợ thêm 70% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo chuẩn của Thành phố.

g) [12]Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với nhân viên chăn nuôi thú y không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc và chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

h) [12]Hỗ trợ thêm 50% mức đóng bảo hiểm y tế đối với nhân viên y tế thôn bản, cô đỡ thôn bản.

i) [12]Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với cộng tác viên dân số.

k) [12]Hỗ trợ thêm 50% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

l) [12]Hỗ trợ thêm 50% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người được tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú theo quy định của Luật Di sản văn hóa không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc và chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

m) [12]Hỗ trợ thêm 50% mức đóng bảo hiểm y tế đối với nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người. Thời gian hỗ trợ là 01 năm kể từ khi đối tượng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.

n) [12]Hỗ trợ thêm 70% mức đóng bảo hiểm y tế đối với nạn nhân bom mìn vật nổ sau chiến tranh.

o) [12]Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hội viên hội cựu chiến binh, cựu quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương tham gia Câu lạc bộ Cựu quân nhân, cựu công an nhân dân, cựu thanh niên xung phong không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc và chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

p) [12]Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người dân xã Minh Châu không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc và chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

q) [12]Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người sinh sống và làm việc, người được nuôi dưỡng, chăm sóc trong các tổ chức, cơ sở từ thiện, tôn giáo.

r) [12]Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người được Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội công nhận danh hiệu Nghệ nhân Hà Nội không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc và chưa có thẻ bảo hiểm y tế.

3. Mức hỗ trợ sẽ được điều chỉnh tương ứng khi Nhà nước thay đổi chính sách hỗ trợ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế.

Điều 4. Kinh phí thực hiện: Ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp

---

[11] Điểm này được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[12] Điểm g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r được bổ sung bởi Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết; tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện chính sách đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định, công khai, minh bạch, tránh các tiêu cực có thể xảy ra; hằng năm báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. [13]Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2025./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT
Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026
CHỦ TỊCH

Phùng Thị Hồng Hà

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính, Y tế, Tư pháp;
- BHXH Việt Nam;
- Thường trực: Thành ủy; HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VP Thành ủy,;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND Thành phố;
- VP UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm truyền thông dữ liệu và công nghệ số TP, Báo HNM, Báo KTĐT;
-Lưu: VT.

[13] Điều 6 Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 quy định như sau:

Điều 6: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 02 tháng 6 năm 2026.